TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Dịnh

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát Vên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về Vệc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Việt T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2019, biên bản hòa giải ngày 22/4/2020 cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị V trình bày:*

Chị V và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày

02/11/2017 tại UBND xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuốc sống, vợ chồng thường cự cãi nhau và ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị V yêu cầu ly hôn với anh T.

Thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Trí T, sinh ngày 11/6/2017. Hiện nay cháu T do chị V nuôi dạy. Khi ly hôn, chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu T. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

**Tại bản tự khai ngày 18/3/2020 và biên bản hòa giải ngày 22/4/2020 anh Lê Vệt T trình bày:*

Anh T thống nhất với phần trình bày của chị V về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh T thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng có cãi nhau nên chị V bỏ về nhà cha mẹ ruột chị V từ tháng 10/2019 đến nay. Tuy nhiên, anh T xét thấy vẫn còn tình cảm với chị V nên yêu cầu hàn gắn để tiếp tục chung sống với chị V. Nếu chị V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh T cho chị V tự quyết định, anh không có ý kiến.

Về con chung: Do con còn nhỏ nên anh T thống nhất giao con cho chị V nuôi dạy. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị V và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do chị V và anh T chung sống không còn hạnh phúc và chị Vy yêu cầu ly hôn với anh T nên xử lý cho anh chị được ly hôn; Do cháu T còn nhỏ nên cần giao cho chị V nuôi dạy, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Việt T. Do chị V và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về Vệc ly hôn; anh T có địa chỉ tại ấp C, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Lê Việt T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/11/2017. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị V yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị V là có cơ sở. Bởi vì, tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2020 anh T và chị Vy thừa nhận thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau nên ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị V vẫn bảo lưu quan điểm yêu cầu ly hôn với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Lê Thị V và anh Lê Việt T được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lê Trí T, sinh ngày 11/6/2017 (giới tính nam). Xét thấy, Vệc chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu T là có căn cứ. Bởi vì, cháu T hiện nay do chị V nuôi dạy, Vệc hoán đổi nuôi con chung sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu T. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải ngày

22/4/2020 anh T tự nguyện giao chị V nuôi dạy. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho chị V nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị V, anh T xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết. Mặt khác, tại xác nhận ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận thời gian chung sống anh chị không có bị ai khiếu kiện nợ tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xét xử vắng mặt đối với anh Lê Việt T.

2.Về hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Lê Việt T được ly hôn.

3.Về con chung: Giao con chung tên Lê Trí T, sinh ngày 11/6/2017 (giới tính nam) cho chị Lê Thị V tiếp tục nuôi dạy. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 20 tháng 02 năm 2020 chị V có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0011007 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị V biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang